TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **64**/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 29/05/2024.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt.

2/ Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Hứa Thanh T1**, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hứa Thanh T1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến hôn nhân vào năm 2017. Chị T và anh T1 được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/5/2017. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc cho đến thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn mà chủ yếu là do

tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, từ đó chị và anh T1 thường xuyên cự cãi nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Hứa Thanh T1.

- *Về con chung, về tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác định chị và anh T1 không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Hứa Thanh T1: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T1 đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Hứa Thanh T1;

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét vì đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Hứa Thanh T1, xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn anh T1 có nơi cư trú tại ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Hứa Thanh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hứa Thanh T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/5/2017. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T với anh Hứa Thanh T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau, chị T cho rằng giữa chị và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc chị và anh T1 thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vì vậy chị và anh T1 bắt đầu sống ly thân với nhau. Hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh T1 nữa, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị T cương quyết ly hôn với anh T1.

Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2024 Ban lãnh đạo ấp V và Công an xã S cung cấp: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Hứa Thanh T1 là vợ chồng, anh chị có đăng ký thường trú tại ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, hiện anh T1 cũng không có thông tin tạm vắng, thời gian chung sống hai người cũng có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng.

Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh T1 các thông báo mở phiên họp, tiếp cận công chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 vẫn mặt không có lý do. Điều này cho anh T1 cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh với chị T. Từ đó cho thấy; cuộc sống vợ chồng của chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX thống nhất chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Hứa Thanh T1.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Chị T xác định chị và anh T1 không có chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị T xác nhận là không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét, sau này có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có căn cứ nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T ly hôn với anh Hứa Thanh T1.

2/ Về quan hệ con chung: Không xét.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thuy T2 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0007157 ngày 20/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T2 không phải nộp thêm, anh T1 không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Hồng Điệp